

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17-01-2024

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hồng.

2. Ông Nguyễn Trung Du.

- Thư kM phiên tòa: Bà Ngô Thị Quyên - Là Thư kM Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Lệ Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lM số: 427/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023, về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 253/2023/QĐXX-ST ngày 28 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị A H** – sinh ngày: 16/9/1989 (có mặt).

- Bị đơn: Anh **Lê Hoàng G** - sinh ngày: 15/3/1990 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/8/2023, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị A H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Hoàng G do quen biết rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2013 có đăng kM kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Chánh, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Sau ngày cưới vợ chồng chị sống chung gia đình chồng. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 09 năm đến tháng 02 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh G thường hay đi nhậu khi nhậu về kiểm chuyện chưởi, đánh chị nhưng vì con nên chị nhiều lần cho anh G sửa đổi tính tình nhưng anh G không sửa đổi, vợ chồng mâu thuẫn càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ngoài ra vợ chồng còn mâu thuẫn về kinh tế gia đình. Chị và anh G đã không còn sống chung với nhau từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh G.

- Về con chung: Chị và anh G có hai con chung tên Lê Hoàng Thành C, sinh ngày 02/5/2014 và Lê Ngọc Như M, sinh ngày 06/5/2017. Hiện nay cháu C và cháu Như M đang sống chung với chị A H. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu C và cháu Như M, chị yêu cầu anh G cấp dưỡng cho cháu C mỗi tháng là 1.000.000đ và cấp dưỡng cho cháu Như M mỗi tháng là 1.000.000đ, hai cháu mỗi tháng là 2.000.000đ cho đến khi cháu C và cháu Như M đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị A H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Chị A H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bảng khai M kiến ngày 24/11/2023, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Lê Hoàng G trình bày:**

- Về hôn nhân: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị A H về thời gian vợ chồng chung sống. Anh bổ sung thêm mâu thuẫn vợ chồng chỉ có cự cãi nhỏ, trong lúc nóng giận anh có đánh chị A H, chị A H chỉ bị xây xát ngoài da, trong cuộc sống hàng ngày thì anh luôn lo lắng cho vợ con. Anh và chị A H không còn sống chung với nhau từ tháng 9 năm 2023 cho đến nay. Nay với yêu cầu xin ly hôn của chị A H thì anh đồng M.

- Về con chung: Anh và chị A H có hai con chung tên Lê Hoàng Thành C, sinh ngày 02/5/2014 và Lê Ngọc Như M, sinh ngày 06/5/2017. Khi Tòa án thụ lý đơn khởi kiện của chị A H thì 02 con chung đang sống với anh nhưng hiện nay thì cháu C và cháu Như M đang sống chung với chị A H. Sau khi ly hôn theo nguyện vọng của cháu C là cháu muốn sống với chị A H thì anh đồng M, anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Như M, anh không yêu cầu chị A H cấp dưỡng nuôi cháu Như M, anh không đồng M cấp dưỡng nuôi cháu C.

- Về tài sản chung: Anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung vụ án:

Trình tự tố tụng: thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận C khai chứng cứ và hòa giải, giải quyết vụ án đã được Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Trình tự tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật.

Hướng giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 điều 138, Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5 Điều 27,

điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A H.

Về hôn nhân: C nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị A H và anh Lê Hoàng G.

Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng Thành C, sinh ngày 02/5/2014 và cháu Lê Ngọc Như M, sinh ngày 06/5/2017 cho chị Nguyễn Thị A H chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh Lê Hoàng G có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Lê Hoàng Thành C là 900.000đ/tháng và cháu Lê Ngọc Như M là 900.000đ/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị A H và anh Lê Hoàng G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật thì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/QĐ-BPKCTT ngày 30/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm bị hủy bỏ.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị A H phải nộp 300.000đ án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Buộc anh Lê Hoàng G phải nộp 300.000đ án phí sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Tại phiên tòa hôm nay, đương sự khẳng định không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị A H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân và gia đình giữa chị A H và bị đơn anh G, anh G có nơi cư trú tại ấp Quang Trạch, xã Trung Chánh, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị A H và anh G do quen biết rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

Trung Chánh, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 19/12/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa chị A H và anh G là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống theo chị A H trình bày thì thời gian vợ chồng sống hạnh phúc được 09 năm đến tháng 02 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị A H và anh G bất đồng quan điểm sống, anh G thường hay đi nhậu khi nhậu về kiểm chuyện chưởi, đánh chị A H, chị A H và anh G còn mâu thuẫn về kinh tế gia đình, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị A H và anh G không còn chung sống với nhau từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay. Anh G trình bày trong quá trình anh G và chị A H chung sống thì vợ chồng có cự cãi nhỏ, trong lúc nóng giận anh có đánh chị A H, chị A H chỉ bị xây xát ngoài da, trong cuộc sống hàng ngày thì anh luôn lo lắng cho vợ con. Anh G và chị A H không còn sống chung với nhau từ tháng 9 năm 2023 cho đến nay.

Nay chị A H yêu cầu ly hôn với anh G, tại phiên tòa hôm nay anh G đồng M nên căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị AH và anh G.

Về con chung: Có hai con chung tên Lê Hoàng Thành C, sinh ngày 02/5/2014 và Lê Ngọc Như M, sinh ngày 06/5/2017. Sau khi chị A H và anh G không còn sống chung với nhau thì cháu C và cháu Như M sống chung với anh G, trong thời gian đó chị A H trình bày chị A H đến thăm nom 02 cháu thì anh G không cho thăm, khi hai cháu bị bệnh chị A H đến chở hai cháu đi khám bệnh anh G không cho và hai cháu kể lại anh G thường hay nhậu nên không chăm lo cho hai cháu. Ngày 29/11/2023 chị A H yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là yêu cầu anh G tạm thời là giao cháu C và cháu Như M cho chị A H chăm sóc đến khi có quyết định của Tòa án. Ngày 30/11/2023 Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2023/QĐ-BPKCTT là buộc anh G phải giao cháu C và cháu Như M cho chị A H trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi có quyết định của Tòa án. Sau khi ly hôn chị A H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu C và cháu Như M, chị A H yêu cầu anh G cấp dưỡng cho cháu C mỗi tháng là 1.000.000đ và cấp dưỡng cho cháu Như M mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi cháu C và cháu Như M đủ 18 tuổi. Anh G yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Như M, anh G không yêu cầu chị A H cấp dưỡng nuôi con, anh G đồng M giao cháu C cho chị A H chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi cháu C.

Theo M kiến của chính quyền địa phương và C an xã Trung Chánh nơi anh G sinh sống thì trong quá trình chị A H và anh G không còn chung sống thì anh G giành quyền nuôi dưỡng cháu C và cháu Như M nhưng anh G thường xuyên đi nhậu, không quan tâm chăm sóc cháu C và cháu Như M, không đưa rứt cháu C và cháu Như M đi học, thường xuyên để cháu C và cháu Như M nghỉ học. Ngày 28/11/2023 chị A H đến nhà anh G để rứt cháu C và cháu Như M đi khám bệnh thì anh G nhốt hai cháu trong nhà không cho chị A H đến rứt hai cháu đi khám bệnh nên anh G và chị A H xảy ra cự cãi, giành giật. Anh G hiện nay không có nghề nghiệp ổn định là thành phần không chí thú làm ăn ở địa phương. Anh G không đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C và cháu Như M. Tại bảng khai M kiến ngày 13/11/2023 của cháu C thì nguyện vọng của

cháu C yêu cầu được sống với chị A H. Theo chị A H trình bày thì hiện nay chị làm nghề mua bán trái cây và phụ vận chuyển dừa khô mỗi tháng thu nhập trên 12.000.000đ, từ khi Tòa án ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là giao cháu C và cháu Như M cho chị chăm sóc thì chị A H chăm sóc cho cháu C và cháu Như M được đảm bảo cho cuộc sống và sức khỏe của hai cháu.

Xét thấy theo M kiến của cháu C thì có nguyện vọng sống với chị A H còn cháu Như M là nữ để đảm bảo cho sự phát triển về tâm sinh lý của cháu Như M đồng thời từ nhỏ đến nay thì hai cháu sống chung với nhau tình cảm anh em gắn bó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu C và cháu Như M, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần. Theo xác nhận của chính quyền địa phương thì anh G thường xuyên nhậu và không có nghề nghiệp ổn định, anh G không đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C và cháu Như M sẽ không đảm bảo cho việc chăm sóc cháu C và cháu Như M nên căn cứ theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin nuôi dưỡng, chăm sóc cháu C và cháu Như M của chị A H, không chấp nhận yêu cầu xin nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Như M của anh G.

Chị A H không cung cấp được chứng cứ thể hiện anh G có C việc ổn định nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của chị A H về việc yêu cầu anh G cấp dưỡng cho cháu C mỗi tháng là 1.000.000đ và cấp dưỡng cho cháu Như M mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi cháu C và cháu Như M đủ 18 tuổi. Theo quy định các bên không thỏa thuận được mức cấp dưỡng thì mức cấp dưỡng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở, hiện nay mức lương cơ sở là 1.800.000đ/tháng thì buộc anh G có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu C là 900.000đ/tháng và cấp dưỡng cho cháu Như M là 900.000đ/tháng cho đến khi cháu C và cháu Như M đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị A H và anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị A H và anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị A H phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Buộc anh G phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A H.

Về hôn nhân: C nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị A H và anh Lê Hoàng G.

Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng Thành C, sinh ngày 02/5/2014 và cháu Lê Ngọc Như M, sinh ngày 06/5/2017 cho chị Nguyễn Thị A H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Buộc anh Lê Hoàng G có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Lê Hoàng Thành C mỗi tháng là 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng) và cấp dưỡng cho cháu Lê Ngọc Như M mỗi tháng là 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu Lê Hoàng Thành C và cháu Lê Ngọc Như M đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ ngày 17/01/2024. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị A H và anh Lê Hoàng G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị A H và anh Lê Hoàng G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật thì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/QĐ-BPKCTT ngày 30/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm bị hủy bỏ.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị A H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Nguyễn Thị A H đã nộp theo biên lai thu số N⁰0000173, ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Nguyễn Thị A H đã nộp đủ.

Buộc anh Lê Hoàng G phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Vĩnh Long

- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Trung Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Lanh